

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2021/HSST
Ngày 16/4/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng và bà Nguyễn Thị Bận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột: Ông Lê Viết Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2021/HSST ngày 31 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2021, đối với:

Bị cáo TRẦN NGỌC L (Tên gọi khác: L).

Sinh ngày: 05/3/1981, tại: Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường T, phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn L, sinh năm 1947 và con bà Võ Thị P (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Ánh T (không đăng ký kết hôn) và có 01 con (không rõ ngày, tháng, năm sinh).

- Tiền án: 02 tiền án.

+ Ngày 06/6/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 03 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, tại Bản án số: 176/2012/HSST. Ngày 10/8/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm tuyên phạt y án sơ thẩm, tại bản án số: 300/2012/HSPT. Ngày 16/12/2014, chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo chưa được xóa án tích.

+ Ngày 16/4/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 01 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, tại Bản án số: 85/2019/HSST. Ngày 18/01/2020, chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo chưa được xóa án tích.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: + Ngày 09/4/2008, bị Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 03 năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, tại Bản án số: 89/2008/HSST. Ngày 16/6/2008, Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm tuyên phạt y án sơ thẩm, tại Bản án số: 106/2008/HSPT. Ngày 06/9/2010, chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo đã được xoá án tích.

+ Ngày 25/8/2011, bị Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, bằng hình thức phạt tiền, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 107/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Bị cáo đã chấp hành xong biện pháp xử phạt hành chính.

+ Ngày 07/01/2019, bị Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 005227/QĐ/XPVPHC, về hành vi trộm cắp tài sản, bằng hình thức phạt tiền, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 107/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Bị cáo đã chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/02/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Ông Phùng Hoàng Tấn L. Sinh năm: 1979.

Trú tại: Tổ dân phố X, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Thùy T. Sinh năm 1977.

Trú tại: Đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Trần Ngọc L bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 08 giờ, ngày 19 tháng 02 năm 2021 Trần Ngọc L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ, biển số 47N2-2922, đi trên các tuyến đường tại địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột tìm người dân sơ hở tài sản để trộm cắp. Đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, L đi đến ngôi nhà tại địa chỉ: 40B Tuệ Tĩnh, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, thấy có nhiều giàn giáo xây dựng bằng kim loại là tài sản của ông Phùng Hoàng Tấn L đang để dưới chân gầm cầu thang ngôi nhà, gồm: 02 khung bằng kim loại dùng làm giàn giáo xây dựng, kích thước (170 x 130 x 04)cm; 02 khung bằng kim loại dùng làm giàn giáo xây dựng, kích thước (160 x 120 x 04)cm; 02 thanh bằng kim loại, kích thước (180 x 02)cm, không có người trông coi. L dựng xe mô tô biển số 47N2-2922, đi vào trong nhà lén lút trộm cắp 04 khung kim loại và 02 thanh bằng kim loại (giàn giáo xây dựng) để lên yên xe mô tô biển số 47N2 -2922 chở đi tìm nơi tiêu thụ. Khi L đi đến đoạn đường Nguyễn Thị Định, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, thì bị Tổ tuần tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột phát hiện đưa L về Cơ quan điều tra làm việc. Sau khi bị trộm cắp tài sản ông L làm

đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 29/KLĐG ngày 20/02/2021, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột kết luận: 02 khung bằng kim loại dùng làm giàn giáo xây dựng, kích thước (170 x 130 x 04)cm; 02 khung bằng kim loại dùng làm giàn giáo xây dựng, kích thước (160 x 120 x 04)cm; 02 thanh bằng kim loại, kích thước (180 x 02)cm, đều đã qua sử dụng, tổng trị giá tài sản là 900.000 đồng .

Tại bản cáo trạng số: 122/CT-VKSTP.BMT ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã truy tố bị cáo Trần Ngọc L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc L từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

- Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột đã trả lại cho ông L 02 khung bằng kim loại dùng làm giàn giáo xây dựng, kích thước (170 x 130 x 04)cm; 02 khung bằng kim loại dùng làm giàn giáo xây dựng, kích thước (160 x 120 x 04)cm; 02 thanh bằng kim loại, kích thước (180 x 02)cm, đều đã qua sử dụng, là tài sản của ông L.

+ Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu trắng đen, model: 1110i, imei: 354810/01/337544/3, là tài sản của Trần Ngọc L không dùng vào việc phạm tội. Nên cần trả lại cho bị cáo L, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội như trong bản Cáo trạng; bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Trần Ngọc L tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo, người bị hại, người liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 19/02/2021, tại địa chỉ: Số 40B Tuệ Tĩnh, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, Trần Ngọc L đã lén lút chiếm đoạt của ông Phùng Hoàng Tấn L 02 khung bằng kim loại dùng làm giàn giáo xây dựng, kích thước (170 x 130 x 04)cm; 02 khung bằng kim loại dùng làm giàn giáo xây dựng, kích thước (160 x 120 x 04)cm; 02 thanh bằng kim loại, kích thước (180 x 02)cm. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là: 900.000 đồng.

Mặc dù giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 900.000 đồng, nhưng bị cáo đã có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích, mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nên hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

a).....

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.”

Xét tính chất của vụ án, xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là công dân có đầy đủ nhận thức tài sản hợp pháp của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ và biết rõ mọi hành vi xâm hại đến tài sản của người khác đều phải bị trừng trị. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật và động cơ vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động, lợi dụng sự sơ hở của ông L trong việc quản lý tài sản, bị cáo L đã lén lút chiếm đoạt của ông L 02 khung bằng kim loại dùng làm giàn giáo xây dựng, kích thước (170 x 130 x 04)cm; 02 khung bằng kim loại dùng làm giàn giáo xây dựng, kích thước (160 x 120 x 04)cm; 02 thanh bằng kim loại, kích thước (180 x 02)cm; trị giá 900.000 đồng.

Hành vi của bị cáo không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân mà còn gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, xâm hại đến trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Ngoài 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích. Về nhân thân: Ngày 09/4/2008, bị cáo đã bị Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 03 năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, tại Bản án số: 89/2008/HSST. Ngày 16/6/2008, Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm tuyên phạt y án sơ thẩm, tại Bản án số: 106/2008/HSPT. Ngày 25/8/2011, bị Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, bằng hình thức phạt tiền. Ngày 07/01/2019, bị Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 005227/QĐ/XPVPHC, về hành vi trộm cắp tài sản, bằng hình thức phạt tiền.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng trừng trị, cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo; đồng thời đủ sức răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thật thà khai báo và thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét khi lượng hình để thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước đối với người phạm tội.

Từ những xem xét, đánh giá, nhận định trên, xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với bị cáo L, Hội đồng xét xử thấy phù hợp, cần chấp nhận.

- Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Trần Ngọc L. Ngày 20/3/2021, Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt cảnh cáo, quy định tại khoản 1, Điều 21 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, là phù hợp.

- Đối với người thanh niên bán ma túy cho Trần Ngọc L sử dụng, hiện Cơ quan điều tra chưa xác minh được nhân thân lai lịch nên tách ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau, là phù hợp.

[3] Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột đã trả lại cho ông Phùng Hoàng Tấn L 02 khung bằng kim loại dùng làm giàn giáo xây dựng, kích thước (170 x 130 x 04)cm; 02 khung bằng kim loại dùng làm giàn giáo xây dựng, kích thước (160 x 120 x 04)cm; 02 thanh bằng kim loại, kích thước (180 x 02)cm, đều đã qua sử dụng, là tài sản của ông Phùng Hoàng Tấn L.

+ Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu trắng đen, model: 1110i, imei: 354810/01/337544/3, là tài sản của Trần Ngọc L không dùng vào việc phạm tội. Nên cần trả lại cho bị cáo L, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ, số máy: JL152FMH00106592, số khung: DCH094UM106592, Trần Ngọc L dùng làm phương tiện phạm tội. Quá trình điều tra xác định: Năm 2020, chị Trần Thị Thùy T (là chị gái bị cáo L), mua của anh Lê Sỹ T, với giá 3.000.000 đồng, khi mua bán không có giấy tờ. Hiện anh T không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa xác định được nguồn gốc, chủ sở hữu xe mô tô. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột tách chiếc xe mô tô ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật. Việc L dùng chiếc xe mô tô làm phương tiện phạm tội chị T không biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

- Đối với biển số 47N2- 2922, tại Cơ quan điều tra Trần Ngọc L khai: Tháng 12/2020, L nhặt được trên đường (không rõ địa điểm) rồi gắn vào chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ, số máy: JL152FMH00106592, số khung: DCH094UM106592, của chị Trần Thị Thùy T, dùng làm phương tiện đi lại. Tại phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Biển số 47N2-2922, đứng tên chủ xe là ông Phủng Quầy L (sinh năm: 1966, trú tại: Thôn 13, xã Cư Kbang, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk). Ngày 15/3/2021, Công an xã Cư Kbang, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk xác định: Không có ai tên Phủng Quầy L cư trú sinh sống tại địa phương. Do vậy, Cơ quan điều tra tách biển số 47N2- 2922, ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật, là phù hợp.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

[1] Tuyên bố:

Bị cáo Trần Ngọc L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt Trần Ngọc L: 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 19/02/2021.

[2] Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột đã trả lại cho ông Phùng Hoàng Tấn L 02 khung bằng kim loại dùng làm giàn giáo xây dựng, kích thước (170 x 130 x 04)cm; 02 khung bằng kim loại dùng làm giàn giáo xây dựng, kích thước (160 x 120 x 04)cm; 02 thanh bằng kim loại, kích thước (180 x 02)cm, đều đã qua sử dụng, là tài sản của anh Phùng Hoàng Tấn L.

(Đặc điểm như trong Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 20/3/2021 giữa Cơ quan điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột với ông Phùng Hoàng Tấn L).

+ Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu trắng đen, model: 1110i, imei: 354810/01/337544/3, là tài sản của Trần Ngọc L không dùng vào việc phạm tội, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

(Đặc điểm như trong Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/3/2021 giữa Cơ quan điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột với Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột).

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Ngọc L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, VKSND Tp.BMT;
- TAND tỉnh;
- Công an Tp.BMT;
- CCTHADS TP, THA phạt tù (để thi hành);
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Chánh án ;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Đình Hải